

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008124.26
MSM: VT.26.3037.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIẾN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 20/07/2026
Ngày trả kết quả : 07/08/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,8	40
2	Dộ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	12	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,72	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6	27
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	8	45
7	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
8	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
9	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
10	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045
12	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18
13	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8
14	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	2,7
15	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,045	0,45
16	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,23	0,9
17	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063
18	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09
19	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	0,9	4,5
20	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18
21	Florua (F ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	2,05	4,5

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
22	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,18	4,5
23	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,75	18
24	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,9	3,6
25	Clorua (Cl^-) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023	148,9	450
26	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	0,9
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,1
28	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2021	< 0,30	1
29	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung, tọa độ (X=1177317; Y=644197)
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

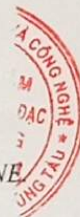
Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008792.26
MSM: VT.26.3378.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiên Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 13/08/2026
Ngày trả kết quả : 29/08/2026

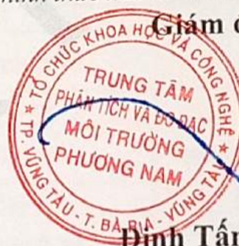
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,14

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung, tọa độ (X=1177317; Y=644197)
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006555.26
MSM: VT.26.2561.CT01

Tên mẫu : Chất thải rắn
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2026
Ngày trả kết quả : 30/06/2026



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng nguy hại
1	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9040D	8,01	≤ 2 hoặc ≥ 12,5

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm))
1	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,00	590

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
1	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,0020	5
2	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	0,19	100
3	Bạc (Ag)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,030	-
4	Cadmi (Cd)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	0,01600	1
5	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,050	5
6	Coban (Co)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	0,084	80
7	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	105,6	-
8	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	3,64	70



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				CT01	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
9	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,0030	1
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7470A	< 0,00050	0,2
11	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	< 0,010	-
12	Phenol	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA method 8270D	< 0,020	1.000
13	Benzen	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	< 0,005	0,5
14	Tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B&F:2023	7,6	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- CT01: Bùn phát sinh từ nhà máy xử lý, tọa độ (1177304; 644240);
- QCVN 07:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.



Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu